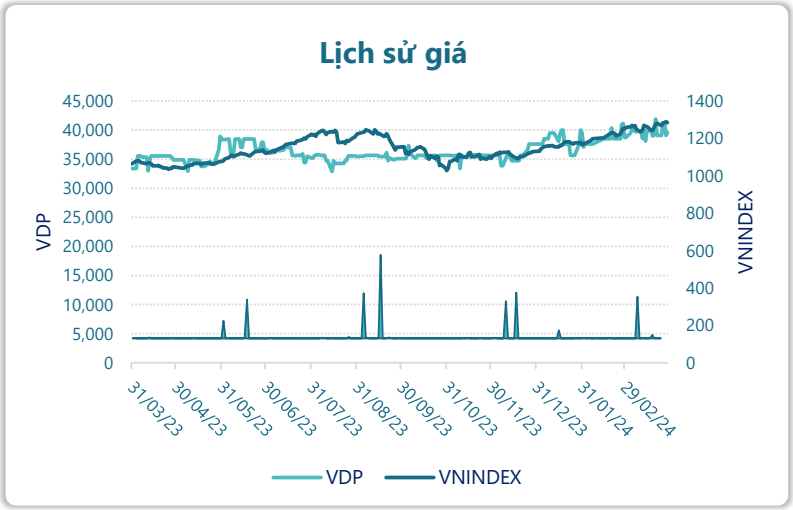
FireAnt

CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA (HSX: VDP)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**39,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,887
SL cổ phiếu LH	18,402,904
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,110
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	729
P/E	9.4
EPS	4,216

DT thuần

Q1/24

201

tỷ VNĐ

QoQ: ▼88.0| -30.3%

YoY: ▼71.0| -25.9%

LN sau thuế

Q1/24

17.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.30| -16.0%

YoY: ▼2.30| -11.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

12.6%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

2023

1,019

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 1.1%

LN sau thuế

2023

80.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.70| 9.1%

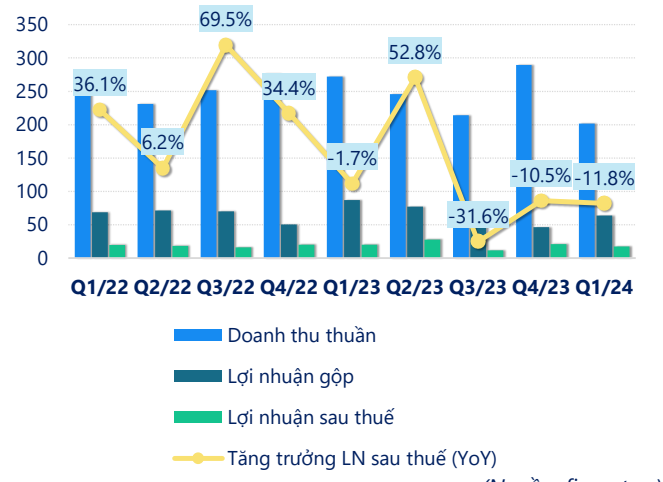
ROE

2023

11.8%

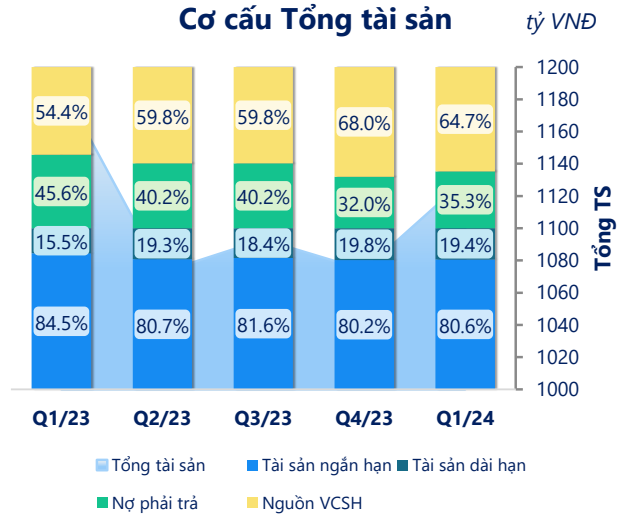
+/- YoY: ▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh



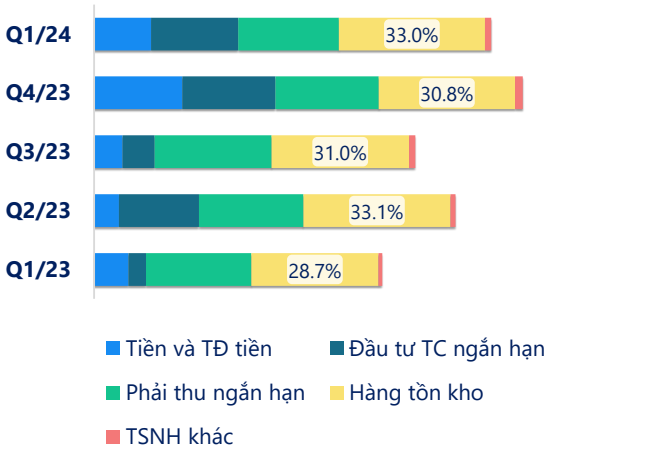
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



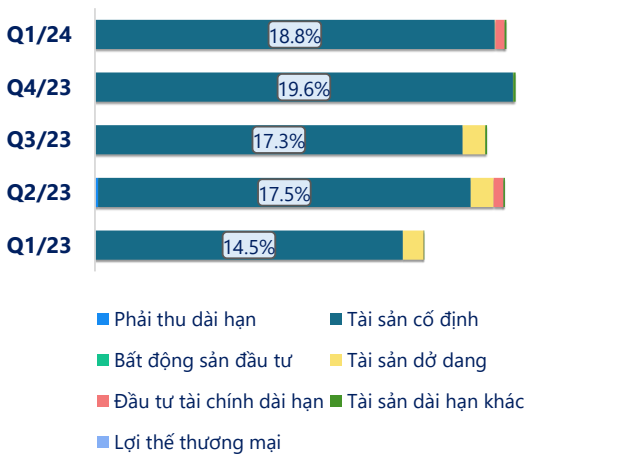
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



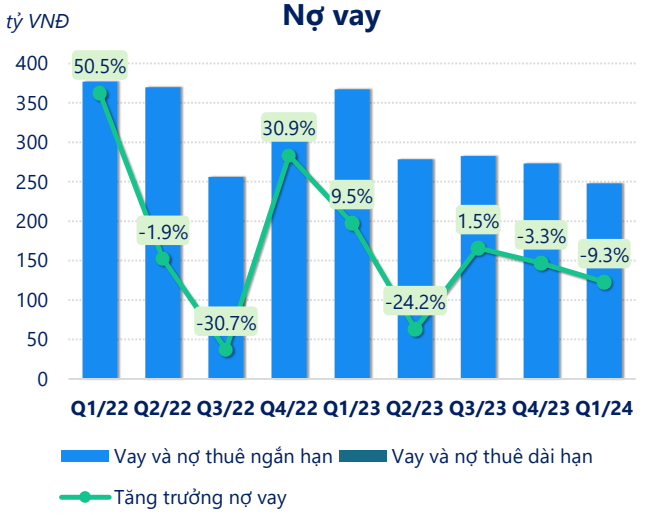
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



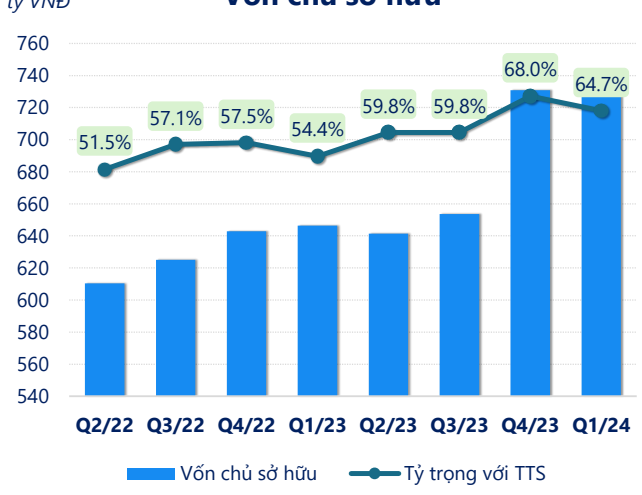
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



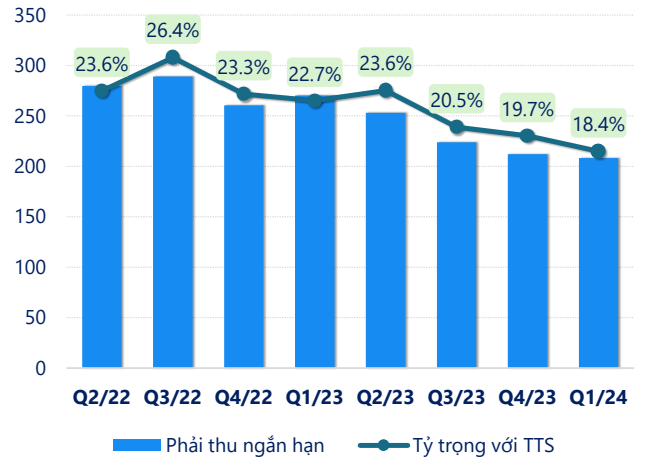
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



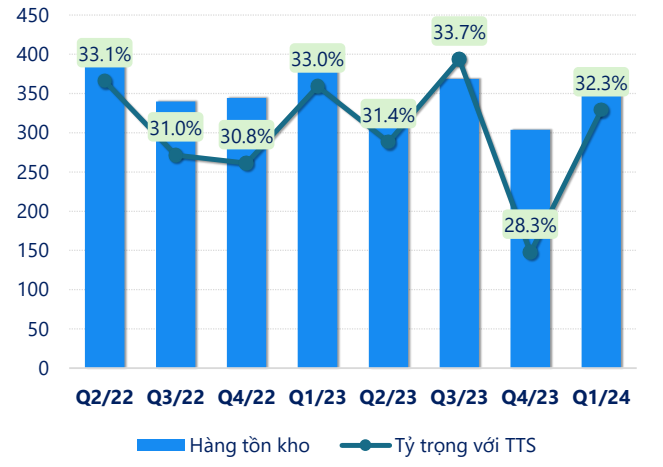
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



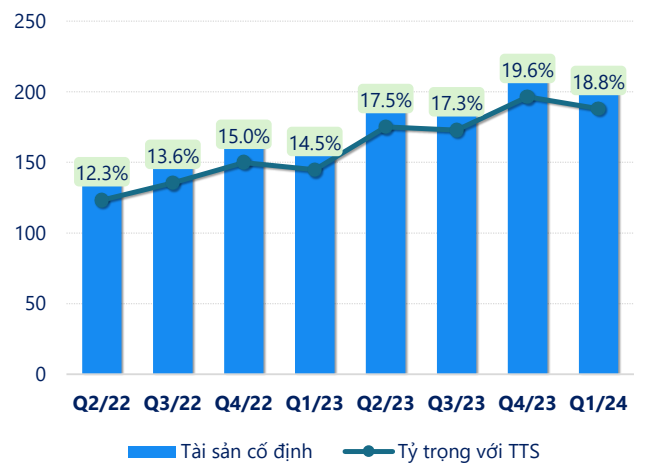
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



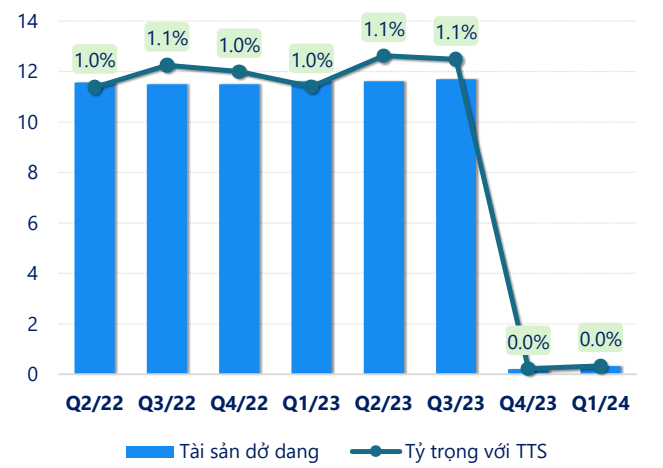
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



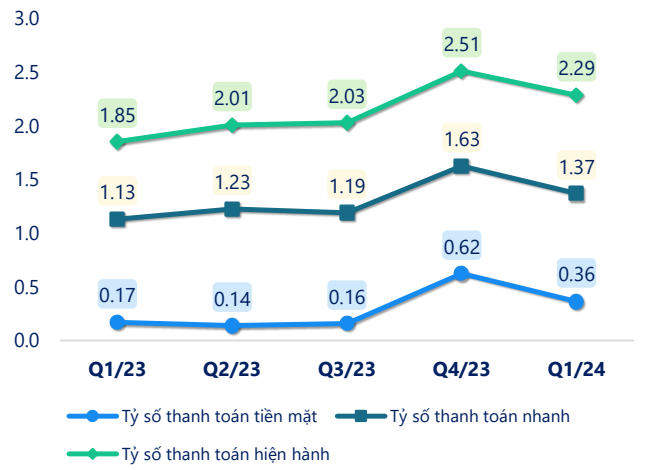
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



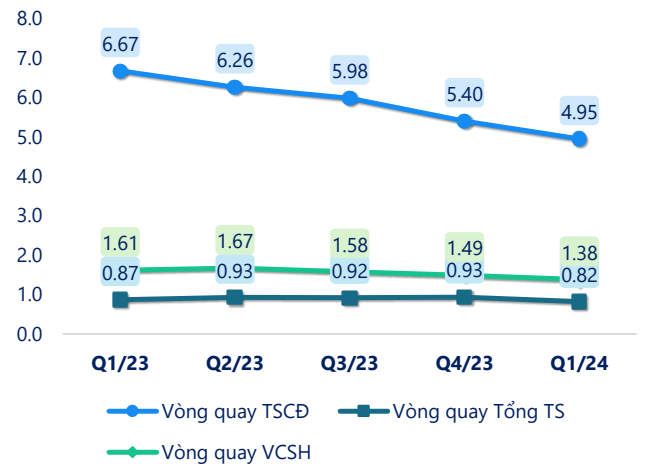
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,188**	**1,073**	**1,093**	**1,074**	**1,130**
Tài sản ngắn hạn	**1,004**	**866**	**891**	**862**	**911**
Tiền và tương đương tiền	91.9	60.1	69.8	214	145
Đầu tư tài chính ngắn hạn	234	209	215	125	180
Phải thu ngắn hạn	270	253	224	212	208
Hàng tồn kho	392	337	369	304	365
Tài sản ngắn hạn khác	16.8	6.84	13.8	6.99	13.0
Tài sản dài hạn	**184**	**207**	**201**	**212**	**219**
Phải thu dài hạn	0.04	1.59	0.04	0.04	0.04
Tài sản cố định	172	188	189	211	212
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.6	11.6	11.7	0.20	0.32
Đầu tư tài chính dài hạn	0.01	5.01	0	0	5.00
Tài sản dài hạn khác	0.40	0.75	0.86	1.19	0.97
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**542**	**431**	**439**	**343**	**399**
Nợ ngắn hạn	**542**	**431**	**439**	**343**	**399**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	367	278	283	273	248
Phải trả người bán ngắn hạn	24.4	58.4	42.9	10.4	90.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**646**	**641**	**654**	**731**	**731**
Vốn chủ sở hữu	**646**	**641**	**654**	**731**	**731**
Vốn điều lệ	168	168	168	184	184
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)